

## Mẫu số 07

(Ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

## SỔ THEO DÕI NUÔI, TRỒNG

## I. THÔNG TIN CHUNG

**1. Tên tổ chức, cá nhân:**

- Họ và tên chủ cơ sở nuôi (đối với cá nhân/ hộ gia đình)/ Tên tổ chức:: .....

**2. Địa chỉ cơ sở nuôi, trồng:** .....

### 3. Tên của loài

- Tên tiếng Việt:

- Tên khoa học:

**4. Hình thức nuôi (áp dụng đối với động vật):** ☐ Nuôi sinh sản ☐ Nuôi sinh trưởng

**5. Mã số cơ sở nuôi, trồng** (đối với loài nguy cấp, quý, hiếm và động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES): .....

**6. Mục đích nuôi, trồng<sup>(1)</sup>:** .....

## II. ĐỐI VỚI CƠ SỞ NUÔI

[illegible]

**Ghi chú:**

1. Mục đích nuôi được ghi như sau: (T) Thương mại; (Z) Vườn thú, trưng bày; (Q) Biểu diễn xiếc; (R) Cứu hộ; (S) Nghiên cứu khoa học; (C) Bảo tồn; (E) Du lịch sinh thái; (O) Khác (ví dụ như làm cảnh).
2. Cột 1 ghi ngày/tháng/ năm biến động đàn. Trường hợp trong cùng một ngày vừa có nhập động vật vào cơ sở và xuất động vật ra hoặc có nhiều lần nhập hoặc nhiều lần xuất động vật ra khỏi cơ sở phải ghi đầy đủ theo từng lần nhập, xuất động vật và ghi theo trình tự thời gian, không ghi gộp thông tin trong ngày.
3. Tổng số cá thể (cột 2) = (3) + (4) + (5) + (6) + (7).
4. A: ghi chép số lượng vật nuôi hiện có.
5. B, C....: ghi chép đầy đủ thông tin khi có biến động.
  - a)  $(B3) = (A3) + (B8) - (B13)$
  - b)  $(B4) = (A4) + (B9) - (B14)$
  - c)  $(B5) = (A5) + (B10) - (B15)$
  - d)  $(B6) = (A6) + (B11) - (B16)$
  - đ)  $(B7) = (A7) + (B12) - (B17)$ .
6. Trường hợp nuôi sinh sản, tổ chức, cá nhân phải ghi đầy đủ thông tin của đàn bố, mẹ vào các cột 3, 4, 8, 9, 13 và 14.
7. Cột 19: Cơ quan kiểm lâm sở tại/Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản ký xác nhận, ghi rõ họ tên, đóng dấu khi kiểm tra đột xuất, định kỳ hoặc khi tổ chức, cá nhân xuất bán động vật.
8. Mỗi loài được lập 01 sổ theo dõi riêng.

**III. ĐỐI VỚI CƠ SỞ TRỒNG**

| <b>Ngày</b>      | <b>Số lượng</b> | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Diện tích trồng</b> | <b>Năm trồng</b> | <b>Biến động tăng<br/>(mua, cho, tặng<br/>hoặc nhân giống..)</b> | <b>Biến động giảm<br/>(khai thác, bán, cho tặng,<br/>hoặc chết...)</b> | <b>Xác nhận của<br/>cơ quan Kiểm<br/>lâm sở tại/ Cơ<br/>quan thủy sản</b> |
|------------------|-----------------|--------------------|------------------------|------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| <u>1</u>         | <u>2</u>        | <u>3</u>           | <u>4</u>               | <u>5</u>         | <u>6</u>                                                         | <u>7</u>                                                               | <u>8</u>                                                                  |
| A <sup>(2)</sup> |                 |                    |                        |                  |                                                                  |                                                                        |                                                                           |
| B <sup>(3)</sup> |                 |                    |                        |                  |                                                                  |                                                                        |                                                                           |
| C <sup>(3)</sup> |                 |                    |                        |                  |                                                                  |                                                                        |                                                                           |
| ...              |                 |                    |                        |                  |                                                                  |                                                                        |                                                                           |

**Ghi chú:**

- (2) A: Ghi chép số lượng cây trồng hiện có.
  - (3) B, C....: Ghi chép đầy đủ thông tin khi có biến động.
- Mỗi loài được lập 01 sổ theo dõi riêng.

**Mẫu số 26**

*(Ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**SỔ THEO DÕI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN LOÀI NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM; ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT PHỤ LỤC CÔNG ƯỚC CITES**

1. Tên tổ chức, cá nhân: .....
2. Loài (tên tiếng Việt và tên khoa học): .....

| Nguyên liệu đầu vào |                 |                                           |                                                       |                   | Sản phẩm đầu ra |                          |                   |                                                                      |                      | Ghi chú   |
|---------------------|-----------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------|-----------------|--------------------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------|
| Ngày nhập           | Hồ sơ nguồn gốc | Loại nguyên liệu (da, khúc, mảnh vụn ...) | Đơn vị tính (cái/m <sup>2</sup> /cm <sup>3</sup> ...) | Lượng nguyên liệu | Ngày sản xuất   | Sản phẩm (loại sản phẩm) | Số lượng sản phẩm | Kích thước SP (cm <sup>2</sup> /m <sup>2</sup> /cm <sup>3</sup> ...) | Nguyên liệu tiêu hao |           |
| <u>1</u>            | <u>2</u>        | <u>3</u>                                  | <u>4</u>                                              | <u>5</u>          | <u>6</u>        | <u>7</u>                 | <u>8</u>          | <u>9</u>                                                             | <u>10</u>            | <u>11</u> |
|                     |                 |                                           |                                                       |                   |                 |                          |                   |                                                                      |                      |           |
|                     |                 |                                           |                                                       |                   |                 |                          |                   |                                                                      |                      |           |
|                     |                 |                                           |                                                       |                   |                 |                          |                   |                                                                      |                      |           |
|                     |                 |                                           |                                                       |                   |                 |                          |                   |                                                                      |                      |           |

**\* Ghi chú:**  
- Cột số 5 và cột số 10 phải có cùng đơn vị tính toán.

### **3. Tên thủ tục: Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên**

#### **3.1. Trình tự thực hiện:**

##### *a) Bước 1: Nộp hồ sơ*

Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử thực hiện theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

##### *b) Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ*

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: cơ quan Kiểm lâm sở tại kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay tính hợp lệ của thành phần hồ sơ cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan Kiểm lâm sở tại xem xét tính hợp lệ của thành phần hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ theo quy định, thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

##### *c) Bước 3: Thẩm định và trả kết quả*

Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án khai thác và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư; trường hợp không phê duyệt thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**3.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử.

#### **3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### *a) Thành phần hồ sơ:*

- Bản chính Đề nghị phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT;

- Bản chính Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên theo Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

##### *b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.*

**3.4. Thời hạn giải quyết:** 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên.

**3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Cơ quan Kiểm lâm sở tại.

**3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên

3.8. Phí, lệ phí (nếu có): không

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đề nghị phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT;

- Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên theo Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 7 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

**Mẫu số 09: Đề nghị phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/động vật rừng thông thường từ tự nhiên/thu thập mẫu vật loài thông thường**

(Ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CƠ QUAN <sup>(1)</sup>.....

Số: .../...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN (\*)**

<sup>(2)</sup> .....

Kính gửi<sup>(3)</sup>: .....

**1. Thông tin chủ rừng:**

a) Tên chủ rừng <sup>(4)</sup>: .....

- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC<sup>(5)</sup>: .....

c) Địa chỉ chủ rừng<sup>(6)</sup>: .....

d) Số điện thoại:.....; địa chỉ email: .....

**2. Nội dung đề nghị phê duyệt:** Phương án khai thác <sup>(2)</sup> .....

**3. Tài liệu gửi kèm:**

- Bản chính Phương án <sup>(2)</sup> .....

- Tài liệu khác (nếu có) .....

....., ngày ... tháng ... năm .....

**CHỦ RỪNG**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)

**Ghi chú:**

(\*) Mẫu này do chủ rừng, chủ lâm sản, chủ dự án hoặc tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền giao (viết tắt là chủ rừng) lập khi đề nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/động vật rừng thông thường từ tự nhiên/thu thập mẫu vật loài thực vật rừng thông thường.

<sup>(1)</sup> Tên chủ rừng, số văn bản nếu là tổ chức.

<sup>(2)</sup> Ghi trường một trong các trường hợp khai thác cụ thể theo quy định tại khoản 2 Điều 6 hoặc khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

<sup>(3)</sup> Ghi rõ tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án khai thác theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này.

<sup>(4)</sup> Ghi tên bằng tiếng Việt hoặc tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có) đối với tổ chức hoặc ghi đầy đủ họ tên đối với cá nhân.

<sup>(5)</sup> Ghi Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/mã số doanh nghiệp/giấy phép thành lập/dăng ký hoạt động đối với tổ chức; số căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu đối với cá nhân.

<sup>(6)</sup> Ghi rõ địa chỉ trên giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập/dăng ký hoạt động với tổ chức; địa chỉ thường trú trên chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân.

**Mẫu số 12: Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên**

(Ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN**  
**KHAI THÁC ĐỘNG VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG TỪ TỰ NHIÊN**

**I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THÁC**

1. Tên và địa chỉ <sup>(1)</sup>: .....

2. Mục đích khai thác <sup>(2)</sup>: .....

**II. HIỆN TRẠNG KHU VỰC KHAI THÁC, LOÀI KHAI THÁC,**  
**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC**

**1. Tổng quan chung khu vực khai thác:**

1.1. Điều kiện tự nhiên (địa hình, khí hậu, thủy văn), kinh tế, xã hội:.....

1.2. Hiện trạng khu vực khai thác <sup>(3)</sup>: .....

2. Mô tả thông tin loài đề nghị khai thác <sup>(4)</sup>: .....

3. Phương án khai thác <sup>(5)</sup>: .....

**4. Tài liệu kèm theo:**

- Bản sao Quyết định thành lập nếu chủ thể khai thác là tổ chức (nếu có);
- Bản đồ hiện trạng rừng (nếu có), bản đồ khu vực khai thác.
- Bản sao tài liệu có liên quan khác (nếu có).

....., ngày ..... tháng ..... năm .....  
**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THÁC**  
 (Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)

**Phê duyệt của cơ quan Kiểm lâm sở tại nơi khai thác:**

.....  
 .....

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....  
 (Người có thẩm quyền ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

(<sup>1</sup>) Ghi thông tin chủ thể lập phương án khai thác:

- Ghi tên bằng tiếng Việt hoặc tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có) đối với tổ chức hoặc ghi đầy đủ họ tên đối với cá nhân.

- Ghi rõ địa chỉ trên giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập/đăng ký hoạt động đối với tổ chức; địa chỉ thường trú trên chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân. Trường hợp chủ rừng liên kết với tổ chức, cá nhân khác để khai thác, đề nghị nêu rõ tất cả các thông tin của chủ rừng/tổ chức/cá nhân khai thác, trong đó làm rõ tổ chức, cá nhân nào chịu trách nhiệm khai thác chính.

(<sup>2</sup>) Ghi rõ mục đích khai thác: vì mục đích thương mại/ không vì mục đích thương mại.

(<sup>3</sup>) Ghi thông tin hiện trạng khu vực khai thác:

- Diện tích khu vực khai thác:

- Nếu khu vực khai thác có rừng: diện tích rừng; loại rừng; trạng thái rừng, diện tích từng trạng thái; mô tả khu hệ động vật, thực vật của khu vực khai thác. Vị trí khu vực khai thác: thuộc lô: ..., khoảnh: ..., tiểu khu.

- Nếu khu vực khai thác không có rừng: Mô tả sinh cảnh khu vực khai thác (hiện trạng thực vật, diện tích khu vực trên cạn và khu vực dưới nước nếu có....); mô tả hệ động vật, thực vật khu vực dự kiến khai thác.

- Ranh giới: mô tả rõ ranh giới tự nhiên, kèm bản đồ khu vực dự kiến khai thác tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000.

- Tên chủ rừng (nếu khai thác tại khu vực có rừng): địa chỉ, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao, cho thuê đất rừng (trường hợp có 2 chủ rừng trở lên thì lập bảng kèm theo).

(<sup>4</sup>) Ghi thông tin hiện trạng loài đề nghị khai thác, gồm:

a) Mô tả về loài: đặc tính sinh học của loài; độ tuổi sinh sản và mùa sinh sản.

b) Mô tả hiện trạng của loài tại khu vực đề nghị khai thác: Kích thước quần thể, phân bố theo sinh cảnh, mật độ/trữ lượng; tăng trưởng số lượng (số lượng sinh sản trung bình hàng năm, tỷ lệ sống sót); số lượng con trưởng thành (số con cái và đực); số lượng con non (số con đực và cái nếu phân biệt được); số lượng con già (không còn khả năng sinh sản); đánh giá sự biến đổi của quần thể sau khi khai thác trong thời gian tới.

c) Tài liệu kèm theo: bản đồ điều tra, phân bố loài đề nghị khai thác tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000; các tài liệu khác nếu có.

(<sup>5</sup>) Ghi thông tin phương án khai thác, bao gồm:

a) Loài khai thác: tên loài (gồm tên thông thường và tên khoa học); loại mẫu vật khai thác; số lượng (tổng số lượng) và đơn vị tính; tổng số lượng cá thể đực, số lượng cá thể cái; độ tuổi (con non, con trưởng thành).

b) Thời gian khai thác: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ... (tối đa không quá 03 tháng).

c) Mục đích khai thác.

d) Phương pháp khai thác: phương tiện, công cụ sử dụng trong khai thác: tên, số lượng...; phương thức khai thác (săn, bắt, bẫy, lưới,...).

#### **4. Tên thủ tục: Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ**

##### **4.1 Trình tự thực hiện**

##### **a) Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp: Doanh nghiệp đăng ký vào Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp tự kê khai theo Mẫu số 08 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam, được sửa đổi bổ sung năm 2024.

- Trường hợp doanh nghiệp không ứng dụng được Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp thì gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc bưu điện 01 bộ hồ sơ tới cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường ở những địa phương không có cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh (sau đây viết tắt là cơ quan tiếp nhận).

##### **b) Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cơ quan tiếp nhận nhập hồ sơ của doanh nghiệp vào Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp; Thông báo kết quả tiếp nhận hồ sơ đăng ký phân loại doanh nghiệp theo Mẫu số 18 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT đến doanh nghiệp; lưu trữ tài liệu đăng ký theo quy định của pháp luật.

##### **c) Bước 3: Thẩm định và trả kết quả**

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin kê khai của doanh nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung năm 2024, Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp của cơ quan tiếp nhận căn cứ các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định 102/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung năm 2024 tự động phân loại doanh nghiệp Nhóm I.

Trường hợp có nghi ngờ những thông tin do doanh nghiệp tự kê khai hoặc nghi ngờ doanh nghiệp sử dụng tài liệu giả mạo cần xác minh làm rõ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp tự động phân loại doanh nghiệp Nhóm I, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp đăng ký phân loại doanh nghiệp, trong đó nêu rõ thời gian, nội dung cần xác minh.

Các trường hợp xác minh thông tin: Tài liệu kê khai của doanh nghiệp có dấu hiệu sửa chữa, tẩy xóa, làm giả; nội dung tài liệu kê khai mâu thuẫn, không thống nhất; Có thông tin về việc doanh nghiệp kê khai không trung thực một trong các tiêu chí phân loại doanh nghiệp.

Nguồn thông tin để xác minh:

- Đối với tiêu chí tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật trong việc thành lập và hoạt động ít nhất 01 năm kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp: căn

cứ nguồn thông tin từ Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp [www.dangkykinhdoanh.gov.vn](http://www.dangkykinhdoanh.gov.vn); hoặc thông tin từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan;

- Đối với tiêu chí tuân thủ quy định của pháp luật về môi trường: căn cứ nguồn thông tin từ cơ quan chức năng về môi trường; cơ quan Kiểm lâm sở tại hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường ở những địa phương không có cơ quan Kiểm lâm sở tại; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan;

- Đối với tiêu chí tuân thủ quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy: căn cứ nguồn thông tin từ cơ quan chức năng về phòng cháy, chữa cháy; cơ quan Kiểm lâm sở tại hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường ở những địa phương không có cơ quan Kiểm lâm sở tại; tổ chức, cá nhân khác có liên quan;

- Đối với tiêu chí tuân thủ quy định của pháp luật về thuế và lao động: căn cứ nguồn thông tin từ cơ quan chức năng về thuế và lao động; cơ quan Kiểm lâm sở tại hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường ở những địa phương không có cơ quan Kiểm lâm sở tại; tổ chức, cá nhân khác có liên quan;

- Đối với tiêu chí tuân thủ quy định của pháp luật về bảo đảm gỗ hợp pháp: căn cứ nguồn thông tin từ cơ quan Kiểm lâm sở tại hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường ở những địa phương không có cơ quan Kiểm lâm sở tại; Cơ sở dữ liệu vi phạm pháp luật trong lĩnh vực Lâm nghiệp (sau đây viết tắt là Cơ sở dữ liệu vi phạm); tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Thực hiện xác minh:

- Cơ quan tiếp nhận thông báo trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp cho doanh nghiệp về thời gian, nội dung cần xác minh. Trường hợp không áp dụng được Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp thì gửi Thông báo xác minh thông tin đăng ký phân loại doanh nghiệp theo Mẫu số 19 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT cho doanh nghiệp;

- Cơ quan tiếp nhận trực tiếp thực hiện hoặc phối hợp với cơ quan có liên quan (trong trường hợp cần thiết), thực hiện xác minh và lập Biên bản xác minh thông tin đăng ký phân loại doanh nghiệp theo Mẫu số 20 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT;

- Trường hợp xác minh ngoài địa phương cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đăng ký phân loại: cơ quan tiếp nhận gửi nội dung cần xác minh đến cơ quan tiếp nhận tại địa phương nơi cần xác minh để thực hiện xác minh theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 18 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT. Cơ quan tiếp nhận thực hiện việc xác minh, thông báo kết quả xác minh đến cơ quan tiếp nhận nơi doanh nghiệp đăng ký phân loại doanh nghiệp.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, cơ quan tiếp nhận phối hợp với cơ quan có liên quan tổ chức xác minh làm rõ tính chính xác của thông tin tự kê khai của doanh nghiệp và thông báo kết quả xác minh cho doanh nghiệp đó biết.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp được Hệ thống

thông tin phân loại doanh nghiệp tự động phân loại là doanh nghiệp Nhóm I hoặc kể từ ngày kết thúc xác minh thông tin kê khai theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung năm 2024, nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định 102/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung năm 2024, cơ quan tiếp nhận xếp loại doanh nghiệp đó vào doanh nghiệp Nhóm I trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp.

Cơ quan tiếp nhận xếp loại và thông báo kết quả phân loại doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp. Trường hợp không áp dụng được Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp thì gửi Thông báo kết quả phân loại cho doanh nghiệp, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm theo Mẫu số 21 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 26/2025/TT-BNNMT.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày xếp loại doanh nghiệp Nhóm I theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung năm 2024, cơ quan tiếp nhận thông báo kết quả phân loại cho doanh nghiệp đăng ký phân loại. Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí là doanh nghiệp Nhóm I, cơ quan tiếp nhận thông báo, nêu rõ lý do cho doanh nghiệp biết; đồng thời gửi 01 bản thông báo kết quả phân loại về Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm để tổng hợp và đăng tải công khai kết quả phân loại doanh nghiệp lên trang thông tin điện tử.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến (trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp) hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc bưu điện.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đề nghị phân loại doanh nghiệp theo Mẫu số 17 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

- Bảng kê khai phân loại doanh nghiệp theo Mẫu số 08 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung năm 2024;

- Tài liệu chứng minh tuân thủ tiêu chí phân loại doanh nghiệp theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

- Bảng tổng hợp hồ sơ chứng minh tuân thủ quy định về nguồn gốc gỗ hợp pháp Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

a) Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 05 ngày làm việc

b) Trường hợp phải kiểm tra, xác minh: 13 ngày làm việc.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp thực hiện một hoặc nhiều hoạt động như: trồng rừng; khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng; chế biến gỗ; nhập khẩu gỗ; xuất khẩu gỗ.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ở địa phương không có cơ quan Kiểm lâm cấp tỉnh nơi doanh nghiệp có trụ sở chính hoặc nơi có cơ sở chế biến gỗ của doanh nghiệp.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: doanh nghiệp được phân loại Nhóm I hoặc thông báo nêu rõ lý do không được phân loại Nhóm I.

4.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đề nghị phân loại doanh nghiệp theo Mẫu số 17 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

- Bảng kê khai phân loại doanh nghiệp theo Mẫu số 08 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung năm 2024.

- Tài liệu chứng minh tuân thủ tiêu chí phân loại doanh nghiệp theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

- Bảng tổng hợp hồ sơ chứng minh tuân thủ quy định về nguồn gốc gỗ hợp pháp tại Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

- Thông báo kết quả tiếp nhận hồ sơ đăng ký phân loại doanh nghiệp theo Mẫu số 18 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

- Thông báo xác minh thông tin đăng ký phân loại doanh nghiệp theo Mẫu số 19 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

- Biên bản xác minh thông tin đăng ký phân loại doanh nghiệp theo Mẫu số 20 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

- Thông báo kết quả phân loại cho doanh nghiệp theo Mẫu số 21 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam;

- Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.

- Chương III Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

**Mẫu số 17: Đề nghị phân loại doanh nghiệp**

(Ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐỀ NGHỊ PHÂN LOẠI DOANH NGHIỆP**

Kính gửi<sup>(1)</sup>:.....

**A. ĐĂNG KÝ PHÂN LOẠI DOANH NGHIỆP**

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):.....

Chức danh: .....

Tôi đại diện doanh nghiệp<sup>(2)</sup> ....., đăng ký phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ với các nội dung sau:

**1. Thông tin chung:**

Tên doanh nghiệp:.....

Mã số doanh nghiệp<sup>(3)</sup>:.....

Địa chỉ<sup>(4)</sup>:.....

Điện thoại liên hệ:.....

Địa chỉ Email:..... Website (nếu có):.....

**2. Quy mô hoạt động doanh nghiệp (đánh dấu X vào ô thích hợp):**

2.1. Doanh nghiệp không có chi nhánh/cơ sở chế biến gỗ: ☐

2.2. Doanh nghiệp có chi nhánh/cơ sở chế biến gỗ: ☐

Bảng kê chi nhánh/cơ sở chế biến gỗ thuộc doanh nghiệp:

| TT | Tên chi nhánh/cơ sở chế biến gỗ | Địa chỉ <sup>(4)</sup> | Các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ chính | Ghi chú |
|----|---------------------------------|------------------------|--------------------------------------|---------|
| 1  |                                 |                        |                                      |         |
| 2  |                                 |                        |                                      |         |

|      |  |  |  |  |
|------|--|--|--|--|
| 3    |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |

## **B. CAM KẾT TUÂN THỦ TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI DOANH NGHIỆP**

Doanh nghiệp cam kết đã tuân thủ đầy đủ những tiêu chí sau:

1. Trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày đăng ký phân loại đã tuân thủ quy định của pháp luật về chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP và lưu giữ hồ sơ gốc theo quy định của pháp luật: ☐

2. Trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày đăng ký phân loại không vi phạm pháp luật đến mức phải xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP: ☐

3. Trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày đăng ký phân loại không có tên trong danh sách công khai thông tin tổ chức, cá nhân kinh doanh có dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế: ☐

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung tại bản đề nghị đăng ký phân loại doanh nghiệp này.

Doanh nghiệp<sup>(2)</sup>..... đề nghị <sup>(1)</sup>..... xem xét, phân loại doanh nghiệp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:.....

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP<sup>(5)</sup>**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

### **Ghi chú:**

<sup>(1)</sup> Tên cơ quan tiếp nhận.

<sup>(2)</sup> Tên doanh nghiệp.

<sup>(3)</sup> Ghi theo mã số đăng ký của doanh nghiệp.

<sup>(4)</sup> Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn; xã/phường; tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi có trụ sở của doanh nghiệp.

<sup>(5)</sup> Người đại diện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật.

**Mẫu số 08**

(Ban hành kèm theo Phụ lục I Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung năm 2024)

**BẢNG KÊ KHAI PHÂN LOẠI DOANH NGHIỆP<sup>(1)</sup>**

| STT      | Nội dung kê khai                                                                                                                                                                                                                             | Tự đánh giá <sup>(2)</sup> |       | Ghi chú <sup>(3)</sup> |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------|------------------------|
|          |                                                                                                                                                                                                                                              | Có                         | Không |                        |
| <b>I</b> | <b>TUÂN THỦ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TRONG VIỆC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP<sup>(4)</sup></b>                                                                                                                                      |                            |       |                        |
| 1        | Tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập doanh nghiệp phải có tài liệu sau:                                                                                                                                                              |                            |       |                        |
|          | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp với quy định pháp luật.                                                                                                                                                                           |                            |       |                        |
| 2        | Tuân thủ quy định của pháp luật về môi trường phải có một trong các loại tài liệu sau:                                                                                                                                                       |                            |       |                        |
| A        | Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có);                                                                                                           |                            |       |                        |
| B        | Giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường (nếu có) hoặc tài liệu chứng minh tuân thủ quy định của pháp luật về môi trường tùy theo quy mô, công suất hoạt động và ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. |                            |       |                        |
| 3        | Tuân thủ quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy phải có tài liệu sau:                                                                                                                                                               |                            |       |                        |
|          | Tài liệu chứng minh đã tuân thủ quy định phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy.                                                                                                                         |                            |       |                        |
| 4        | Tuân thủ quy định của pháp luật về thuế, lao động phải bảo đảm các tiêu chí sau:                                                                                                                                                             |                            |       |                        |
| A        | Không có tên trong danh sách công khai thông tin tổ chức, cá nhân kinh doanh có vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của pháp luật về thuế;                                                                                               |                            |       |                        |
| B        | Có kế hoạch vệ sinh an toàn lao động theo quy định của pháp luật;                                                                                                                                                                            |                            |       |                        |
| C        | Người lao động có tên trong danh sách bảng lương của doanh nghiệp;                                                                                                                                                                           |                            |       |                        |

| STT       | Nội dung kê khai                                                                                                                           | Tự đánh giá <sup>(2)</sup> |       | Ghi chú <sup>(3)</sup> |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------|------------------------|
|           |                                                                                                                                            | Có                         | Không |                        |
| D         | Niêm yết công khai thông tin về đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;                |                            |       |                        |
| Đ         | Người lao động là thành viên tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở.                                                                    |                            |       |                        |
| <b>II</b> | <b>TUÂN THỦ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ NGUỒN GỐC GỠ HỢP PHÁP <sup>(5)</sup></b>                                                             |                            |       |                        |
| 1         | Tuân thủ quy định của pháp luật về hồ sơ gỗ hợp pháp đối với doanh nghiệp nhập khẩu gỗ phải có các tài liệu sau:                           |                            |       |                        |
| A         | Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản theo quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; |                            |       |                        |
| B         | Hồ sơ nhập khẩu gỗ theo quy định pháp luật;                                                                                                |                            |       |                        |
| C         | Báo cáo tình hình nhập, xuất lâm sản theo quy định.                                                                                        |                            |       |                        |
| 2         | Tuân thủ quy định của pháp luật về hồ sơ nguồn gốc gỗ hợp pháp đối với doanh nghiệp xuất khẩu gỗ phải có các tài liệu sau:                 |                            |       |                        |
| A         | Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản theo quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; |                            |       |                        |
| B         | Hồ sơ xuất khẩu gỗ theo quy định pháp luật;                                                                                                |                            |       |                        |
| C         | Bản sao hồ sơ mua bán, chuyển giao quyền sở hữu gỗ liền kề trước đó;                                                                       |                            |       |                        |
| D         | Báo cáo tình hình nhập, xuất lâm sản theo quy định.                                                                                        |                            |       |                        |
| 3         | Tuân thủ quy định của pháp luật về hồ sơ gỗ hợp pháp đối với doanh nghiệp chế biến gỗ phải có các tài liệu sau:                            |                            |       |                        |
| A         | Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản theo quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; |                            |       |                        |
| B         | Bảng kê lâm sản theo quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;                |                            |       |                        |
| C         | Bản sao hồ sơ mua bán, chuyển giao quyền sở hữu gỗ liền kề trước đó;                                                                       |                            |       |                        |
| D         | Báo cáo tình hình nhập, xuất lâm sản theo quy định.                                                                                        |                            |       |                        |

| STT | Nội dung kê khai                                                                                                                               | Tự đánh giá <sup>(2)</sup> |       | Ghi chú <sup>(3)</sup> |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------|------------------------|
|     |                                                                                                                                                | Có                         | Không |                        |
| 4   | Tuân thủ quy định của pháp luật về hồ sơ gỗ hợp pháp đối với doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng phải có các tài liệu sau: |                            |       |                        |
| A   | Tuân thủ với các quy định pháp luật về quyền sử dụng đất và quyền sử dụng rừng;                                                                |                            |       |                        |
| B   | Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản theo quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;     |                            |       |                        |
| C   | Bản sao hồ sơ khai thác gỗ theo quy định của pháp luật;                                                                                        |                            |       |                        |
| D   | Bản sao hồ sơ mua bán, chuyển giao quyền sở hữu gỗ;                                                                                            |                            |       |                        |
| Đ   | Báo cáo tình hình nhập, xuất lâm sản theo quy định.                                                                                            |                            |       |                        |

....., ngày .... tháng ... năm ...  
**DOANH NGHIỆP KÊ KHAI**  
*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu<sup>1</sup>)*

**Ghi chú:**

Trường hợp tự kê khai bằng bảng giấy thì doanh nghiệp kê khai phải thực hiện nội dung này.

(1) Doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng gỗ tham gia phân loại gồm: Doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ.

(2) Doanh nghiệp đánh dấu “X” vào ô tương ứng “Có” hoặc “Không” tuân thủ.

(3) Trường hợp pháp luật trong lĩnh vực liên quan không quy định doanh nghiệp phải thực hiện tiêu chí đó thì doanh nghiệp ghi rõ lý do vào cột ghi chú tương ứng với tiêu chí.

(4) Doanh nghiệp đăng ký phân loại đều phải kê khai.

(5) Doanh nghiệp nhập khẩu gỗ kê khai mục 1; doanh nghiệp xuất khẩu gỗ kê khai mục 2; doanh nghiệp kinh doanh, chế biến gỗ kê khai mục 3; doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng kê khai mục 4; doanh nghiệp tham gia nhiều hoạt động thì kê khai vào các mục tương ứng với hoạt động đó.

**Mẫu số 01. Tài liệu chứng minh tuân thủ tiêu chí phân loại doanh nghiệp**

*(Ban hành kèm theo Phụ lục III Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

| STT      | TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI DOANH NGHIỆP                                                                                                                                                                                                              | TÀI LIỆU CHỨNG MINH                                                                                                                                                   |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>TUÂN THỦ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TRONG VIỆC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP</b>                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                       |
| 1        | Tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập doanh nghiệp phải có các loại tài liệu sau:                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                       |
| a        | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật.                                                                                                                                                                         | Giấy chứng nhận đăng ký đăng ký doanh nghiệp                                                                                                                          |
| 2        | Tuân thủ quy định của pháp luật về môi trường phải có liệu sau:                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                       |
| a        | Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có);                                                                                                           | Quyết định phê duyệt kết quả báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường                                                    |
| b        | Giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường (nếu có) hoặc tài liệu chứng minh tuân thủ quy định của pháp luật về môi trường tùy theo quy mô, công suất hoạt động và ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. | Giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường hoặc tài liệu chứng minh tuân thủ quy định của pháp luật về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. |
| 3        | Tuân thủ quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy phải có tài liệu sau:                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                       |
| -        | Tài liệu chứng minh đã tuân thủ quy định phòng cháy, chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy, chữa cháy.                                                                                                                             | Tài liệu chứng minh tuân thủ quy định về phòng cháy và chữa cháy đang có hiệu lực thi hành theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy                       |
| 4        | Tuân thủ quy định của pháp luật về thuế, lao động phải bảo đảm các tiêu chí sau:                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                       |

|           |                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| a         | Không có tên trong danh sách công khai thông tin tổ chức, cá nhân kinh doanh có vi phạm pháp luật về thuế;                      | Tài liệu theo Mẫu số 17 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này                                                                                                                                                                     |
| b         | Có kế hoạch vệ sinh an toàn lao động theo quy định của pháp luật;                                                               | Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động đang có hiệu lực thi hành theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động trong năm đăng ký phân loại                                                                                     |
| c         | Người lao động có tên trong danh sách bảng lương của doanh nghiệp;                                                              | Danh sách người lao động kèm theo mã số Bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp từng tháng trong 12 tháng liên tiếp tính đến ngày đăng ký phân loại                                                                                          |
| d         | Niên yết công khai thông tin về đóng bảo hiểm xã hội và y tế đối với người lao động theo quy định pháp luật về Bảo hiểm xã hội. | Bản chụp niên yết công khai thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội và y tế đối với người lao động theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội trong năm đăng ký phân loại                                                                  |
| đ         | Người lao động là thành viên tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở.                                                         | Quyết định thành lập tổ chức công đoàn của doanh nghiệp đang có hiệu lực thi hành hoặc danh sách người lao động là thành viên tổ chức công đoàn của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về Công đoàn trong năm đăng ký phân loại |
| <b>II</b> | <b>TUÂN THỦ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ NGUỒN GỐC GỠ HỢP PHÁP</b>                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                       |
| 1         | Tuân thủ quy định của pháp luật về hồ sơ gỗ hợp pháp đối với doanh nghiệp nhập khẩu gỗ phải có tài liệu sau:                    |                                                                                                                                                                                                                                       |
| a         | Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;                                        | Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản theo quy định                                                                                                                                                                                          |
| b         | Hồ sơ nhập khẩu gỗ theo quy định pháp luật;                                                                                     | Bảng tổng hợp hồ sơ chứng minh tuân thủ quy định về nguồn gốc gỗ hợp pháp theo Mẫu số 02 Phụ lục này                                                                                                                                  |

|   |                                                                                                                                            |                                                                                                       |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| c | Báo cáo tình hình nhập, xuất lâm sản theo quy định.                                                                                        | Báo cáo tình hình nhập, xuất lâm sản trong thời hạn 12 tháng theo quy định pháp luật                  |
| 2 | Tuân thủ quy định của pháp luật về hồ sơ nguồn gốc gỗ hợp pháp đối với doanh nghiệp xuất khẩu gỗ phải có các tài liệu sau:                 |                                                                                                       |
| a | Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;                                                   | Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản                                                                        |
| b | Hồ sơ xuất khẩu gỗ theo quy định pháp luật;                                                                                                | Bảng tổng hợp hồ sơ chứng minh tuân thủ quy định về nguồn gốc gỗ hợp pháp theo Mẫu số 02 Phụ lục này. |
| c | Bản sao hồ sơ mua bán, chuyển giao quyền sở hữu gỗ liền kề trước đó;                                                                       |                                                                                                       |
| d | Báo cáo tình hình nhập, xuất lâm sản theo quy định.                                                                                        | Báo cáo tình hình nhập, xuất lâm sản trong thời hạn 12 tháng theo quy định pháp luật                  |
| 3 | Tuân thủ quy định của pháp luật về hồ sơ gỗ hợp pháp đối với doanh nghiệp chế biến gỗ phải có tài liệu sau:                                |                                                                                                       |
| a | Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;                                                   | Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản                                                                        |
| b | Bảng kê lâm sản theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;                                                                  | Bảng tổng hợp hồ sơ chứng minh tuân thủ quy định về nguồn gốc gỗ hợp pháp theo Mẫu số 02 Phụ lục này  |
| c | Bản sao hồ sơ mua bán, chuyển giao quyền sở hữu gỗ liền kề trước đó;                                                                       |                                                                                                       |
| d | Báo cáo tình hình nhập, xuất lâm sản theo quy định.                                                                                        | Báo cáo tình hình nhập, xuất lâm sản trong thời hạn 12 tháng theo quy định pháp luật                  |
| 4 | Tuân thủ quy định của pháp luật về hồ sơ gỗ hợp pháp đối với doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng phải có tài liệu sau: |                                                                                                       |

|   |                                                                                          |                                                                                                      |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| a | Tuân thủ với các quy định pháp luật về quyền sử dụng đất và quyền sử dụng rừng;          | Tài liệu chứng minh quyền sử dụng đất và quyền sử dụng rừng hợp pháp theo quy định pháp luật         |
| b | Bản sao hồ sơ khai thác gỗ theo quy định của pháp luật;                                  | Bảng tổng hợp hồ sơ chứng minh tuân thủ quy định về nguồn gốc gỗ hợp pháp theo Mẫu số 02 Phụ lục này |
| c | Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này; | Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản                                                                       |
| d | Bản sao hồ sơ mua bán, chuyển giao quyền sở hữu gỗ;                                      | Bảng tổng hợp hồ sơ chứng minh tuân thủ quy định về nguồn gốc gỗ hợp pháp theo Mẫu số 02 Phụ lục này |
| đ | Báo cáo tình hình nhập, xuất lâm sản theo quy định.                                      | Báo cáo tình hình nhập, xuất lâm sản trong thời hạn 12 tháng theo quy định pháp luật                 |

**Ghi chú:**

1. Tài liệu theo Mẫu số 17 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và Bảng tổng hợp hồ sơ chứng minh tuân thủ quy định về nguồn gốc gỗ hợp pháp theo Mẫu số 02 Phụ lục này là bản chính; các tài liệu khác là bản phô tô hoặc bản chụp. Trường hợp đăng ký trực tuyến, doanh nghiệp nghiệp scan, đính kèm lên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp làm căn cứ chứng minh tuân thủ tiêu chí.

2. Sổ nhập, xuất lâm sản đóng dấu treo của doanh nghiệp khi nộp trực tiếp; trường hợp nộp trực tuyến theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư này thì doanh nghiệp chốt số liệu, ký, đóng dấu điện tử.

**Mẫu số 02: Bảng tổng hợp hồ sơ chứng minh tuân thủ quy định về nguồn gốc gỗ hợp pháp**

(Ban hành kèm theo Phụ lục III Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
 .....<sup>(1)</sup> ..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../BTH-.....

<sup>(2)</sup> ....., ngày.....tháng..... năm ...

**BẢNG TỔNG HỢP**

**Hồ sơ chứng minh tuân thủ quy định về nguồn gốc gỗ hợp pháp**

Kính gửi<sup>(3)</sup>: .....

Tên doanh nghiệp<sup>(1)</sup>: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ<sup>(4)</sup>: .....

Điện thoại liên hệ: .....

Địa chỉ email: .....

Căn cứ quy định tại Thông tư số.../2025/TT-BNNMT ngày ...../...../2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Doanh nghiệp tổng hợp tài liệu chứng minh tuân thủ quy định về nguồn gốc gỗ hợp pháp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày đăng ký phân loại doanh nghiệp, cụ thể như sau:

**Biểu 1.** Tổng hợp hồ sơ gỗ khai thác đối với doanh nghiệp trực tiếp khai thác gỗ làm nguyên liệu chế biến hoặc doanh nghiệp sử dụng gỗ nguyên liệu do doanh nghiệp tự trồng trên đất của doanh nghiệp:

| TT | Bảng kê gỗ <sup>(5)</sup> |          |            | Tên gỗ        |              | Khối lượng theo loại gỗ (m3) | Thống kê hồ sơ gỗ khai thác <sup>(6)</sup> |
|----|---------------------------|----------|------------|---------------|--------------|------------------------------|--------------------------------------------|
|    | Số bảng kê                | Ngày lập | Đơn vị lập | Tên phổ thông | Tên khoa học |                              |                                            |
| 1  |                           |          |            |               |              |                              |                                            |
| 2  |                           |          |            |               |              |                              |                                            |

|             |  |  |  |  |  |  |  |
|-------------|--|--|--|--|--|--|--|
| ...         |  |  |  |  |  |  |  |
| <b>Tổng</b> |  |  |  |  |  |  |  |

**Biểu 2.** Tổng hợp hồ sơ gỗ sau xử lý tịch thu đối với doanh nghiệp sử dụng gỗ sau tịch thu làm nguyên liệu chế biến:

| TT          | Bảng kê gỗ <sup>(5)</sup> |          |            | Tên gỗ        |              | Khối lượng theo loại gỗ (m3) | Thống kê hồ sơ gỗ sau xử lý tịch thu <sup>(6)</sup> |
|-------------|---------------------------|----------|------------|---------------|--------------|------------------------------|-----------------------------------------------------|
|             | Số bảng kê                | Ngày lập | Đơn vị lập | Tên phổ thông | Tên khoa học |                              |                                                     |
| 1           |                           |          |            |               |              |                              |                                                     |
| 2           |                           |          |            |               |              |                              |                                                     |
| ...         |                           |          |            |               |              |                              |                                                     |
| <b>Tổng</b> |                           |          |            |               |              |                              |                                                     |

**Biểu 3.** Tổng hợp hồ sơ hồ sơ gỗ nhập khẩu đối với doanh nghiệp sử dụng gỗ nhập khẩu làm nguyên liệu chế biến:

| TT          | Bảng kê gỗ <sup>(5)</sup> |          |            | Tên gỗ        |              | Khối lượng theo loại gỗ (m3) | Thống kê hồ sơ gỗ nhập khẩu <sup>(6)</sup> |
|-------------|---------------------------|----------|------------|---------------|--------------|------------------------------|--------------------------------------------|
|             | Số bảng kê                | Ngày lập | Đơn vị lập | Tên phổ thông | Tên khoa học |                              |                                            |
| 1           |                           |          |            |               |              |                              |                                            |
| 2           |                           |          |            |               |              |                              |                                            |
| ...         |                           |          |            |               |              |                              |                                            |
| <b>Tổng</b> |                           |          |            |               |              |                              |                                            |

**Biểu 4.** Tổng hợp hồ sơ hồ sơ gỗ trong quá trình mua bán, vận chuyển; chế biến:

| TT | Bảng kê gỗ <sup>(5)</sup> |          |            | Tên gỗ        |              | Khối lượng theo loại gỗ (m3) | Thống kê hồ sơ gỗ trong quá trình mua bán, vận chuyển, chuyển giao quyền sở hữu; chế biến <sup>(6)</sup> |
|----|---------------------------|----------|------------|---------------|--------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | Số bảng kê                | Ngày lập | Đơn vị lập | Tên phổ thông | Tên khoa học |                              |                                                                                                          |
| 1  |                           |          |            |               |              |                              |                                                                                                          |

|             |  |  |  |  |  |  |  |
|-------------|--|--|--|--|--|--|--|
| 2           |  |  |  |  |  |  |  |
| ...         |  |  |  |  |  |  |  |
| <b>Tổng</b> |  |  |  |  |  |  |  |

Doanh nghiệp <sup>(1)</sup> ..... cam kết hồ sơ, tài liệu kê khai là đúng theo hồ sơ lưu giữ tại doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã kê khai./.

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP<sup>(7)</sup>**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:.....

**Ghi chú:** Doanh nghiệp tổng hợp hồ sơ đối với những hoạt động có thực hiện trong sản xuất, kinh doanh từ biểu 1 đến biểu 4. Những hoạt động không thực hiện thì gạch chéo trong biểu.

(1) Tên doanh nghiệp.

(2) Địa danh nơi có trụ sở của doanh nghiệp.

(3) Tên cơ quan tiếp nhận.

(4) Ghi rõ địa chỉ theo giấy đăng ký kinh doanh.

(5) Bảng kê gỗ nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số [102/2020/NĐ-CP](#) hoặc bảng kê gỗ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. Ghi số, ngày bảng kê, tên đơn vị lập bảng kê.

(6) Kê tên loại, ngày tháng ban hành của hồ sơ liên quan đến nguồn gốc gỗ theo quy định tại Nghị định số [102/2020/NĐ-CP](#) hoặc theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

(7) Người đại diện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật.

**Mẫu số 18: Thông báo kết quả tiếp nhận hồ sơ đăng ký phân loại doanh nghiệp**  
(Ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

.....  
.....<sup>(1)</sup>.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TB-.....

<sup>(2)</sup>....., ngày.....tháng..... năm ...

**THÔNG BÁO**  
**Kết quả tiếp nhận hồ sơ đăng ký phân loại doanh nghiệp**

Kính gửi<sup>(3)</sup>: .....

Căn cứ quy định tại Thông tư số...../2025/TT-BNNMT ngày ....../...../2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Ngày.. tháng... năm ....., <sup>(1)</sup> ..... nhận được hồ sơ đăng ký phân loại doanh nghiệp của<sup>(3)</sup>.....

Sau khi xem xét hồ sơ<sup>(1)</sup>..... thông báo kết quả tiếp nhận đăng ký phân loại doanh nghiệp của<sup>(3)</sup> ..... như sau:

**1. Hồ sơ đăng ký phân loại doanh nghiệp đầy đủ theo quy định**

Đề nghị<sup>(3)</sup> ..... truy cập Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử theo quy định để biết kết quả phân loại.

- Tên tài khoản<sup>(4)</sup>: .....

**2. Hồ sơ đăng ký phân loại doanh nghiệp chưa đầy đủ theo quy định**

- Hồ sơ còn thiếu:

.....  
Đề nghị<sup>(3)</sup>..... bổ sung hồ sơ đăng ký phân loại doanh nghiệp (đối với trường hợp doanh nghiệp chưa đủ hồ sơ) theo quy định Thông tư số.../2025/TT-BNNMT ngày ..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

<sup>(1)</sup>... thông báo đến quý doanh nghiệp để biết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:** Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp sẽ tự động thông báo trong trường hợp đăng ký trực tuyến.

<sup>(1)</sup> Tên cơ quan tiếp nhận.

<sup>(2)</sup> Địa danh nơi có trụ sở của cơ quan tiếp nhận.

<sup>(3)</sup> Tên doanh nghiệp.

<sup>(4)</sup> Doanh nghiệp truy cập theo hướng dẫn trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp.

**Mẫu số 19: Thông báo xác minh thông tin đăng ký phân loại doanh nghiệp**  
*(Ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
 .....<sup>(1)</sup> ..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số...../TB-.....

<sup>(2)</sup>....., ngày.....tháng..... năm 20...

**THÔNG BÁO**  
**Xác minh thông tin đăng ký phân loại doanh nghiệp**

Kính gửi<sup>(3)</sup>: .....

Căn cứ quy định tại Thông tư số.../2025/TT-BNNMT ngày .../.../2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

.....<sup>(1)</sup> ..... thông báo thông tin đăng ký phân loại doanh nghiệp của<sup>(3)</sup> .....cần xác minh như sau:

**1. Nội dung xác minh:**

- a) .....
- b) .....
- c) .....

**2. Thời gian xác minh:** Từ ngày .... đến ngày .....

**3. Hình thức xác minh:** .....

**4. Địa điểm xác minh:** .....

**5. Đề nghị xác nhận tham gia xác minh:**

- Thời gian xác nhận tham gia trước ngày ..... tháng ... năm .....
- Tên công chức đề doanh nghiệp liên hệ, xác nhận phối hợp/tham gia xác minh<sup>(4)</sup>: .....: Số điện thoại : ....., địa chỉ email: .....

Đề nghị<sup>(3)</sup> ..... cử đại diện và xác nhận tham gia để việc xác minh được thực hiện đúng quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
 (ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Ghi chú:** Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp sẽ tự động thông báo trong trường hợp đăng ký trực tuyến.

<sup>(1)</sup> Tên cơ quan tiếp nhận.

<sup>(2)</sup> Địa danh nơi có trụ sở của cơ quan tiếp nhận.

<sup>(3)</sup> Tên doanh nghiệp.

<sup>(4)</sup> Tên công chức tiếp nhận hồ sơ.

**Mẫu số 20: Biên bản xác minh thông tin đăng ký phân loại doanh nghiệp**  
*(Ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN LÀM VIỆC**

**Về việc xác minh thông tin đăng ký phân loại doanh nghiệp**

Căn cứ quy định Thông tư số.../2025/TT-BNNMT ngày .../.../2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm .....

Tại:.....

Chúng tôi gồm

**I. ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TIẾP NHẬN<sup>(1)</sup>**

1. Ông (bà): ..... Chức danh: .....

2. Ông (bà): ..... Chức danh: .....

**II. ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN<sup>(2)</sup>**

1. Ông (bà): ..... Đại diện cơ quan: .....

2. Ông (bà): ..... Đại diện cơ quan: .....

**III. ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**

1. Ông (bà): ..... Đại diện doanh nghiệp<sup>(3)</sup> : .....

2. Ông (bà):.....

- Thực hiện xác minh thông tin đăng ký phân loại doanh nghiệp của<sup>(3)</sup>....., kết quả như sau:

1. Thông tin xác minh: .....

Thông tin chính xác: ☐ Thông tin không chính xác: ☐

Lí do: .....

2. Thông tin xác minh: .....

Thông tin chính xác: ☐ Thông tin không chính xác: ☐

Lí do: .....

3. Thông tin xác minh: .....

Thông tin chính xác: ☐ Thông tin không chính xác: ☐

Lí do: .....

4. Thông tin xác minh: .....

Thông tin chính xác: ☐ Thông tin không chính xác: ☐

Lí do: .....

- Tài liệu thu thập kèm theo:

.....  
 .....  
 .....

Việc xác minh thông tin đăng ký phân loại doanh nghiệp được thực hiện đúng quy định, không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của<sup>(3)</sup> .....

Việc xác minh kết thúc vào hồi .. giờ.... ngày tháng năm ...., Biên bản được lập thành ..... bản, các bên tham gia nhất trí thông qua và ký xác nhận./.

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN  
 TIẾP NHẬN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**ĐẠI DIỆN DOANH  
 NGHIỆP**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN  
 CÓ LIÊN QUAN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN  
 CÓ LIÊN QUAN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Ghi chú:**

<sup>(1)</sup> Tên cơ quan tiếp nhận.

<sup>(2)</sup> Tùy thuộc tiêu chí cần xác minh, cơ quan tiếp nhận mời đại diện cơ quan có liên quan tham gia xác minh và lập biên bản.

<sup>(3)</sup> Tên doanh nghiệp.

**Mẫu số 21: Thông báo kết quả phân loại/chuyển loại doanh nghiệp**

(Ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

.....  
 .....<sup>(1)</sup> .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TB-....

<sup>(2)</sup>....., ngày.....tháng..... năm ...

**THÔNG BÁO**  
**Kết quả phân loại/chuyển loại doanh nghiệp**

Kính gửi <sup>(3)</sup>.....

Căn cứ quy định tại Thông tư số.../2025/TT-BNNMT ngày .../.../2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

<sup>(1)</sup> ..... thông báo kết quả phân loại đối với doanh nghiệp <sup>(3)</sup> ..... như sau:

1. Doanh nghiệp ..... đã được xếp loại doanh nghiệp Nhóm I kể từ ngày .../.../..... . Danh sách doanh nghiệp là doanh nghiệp Nhóm I được đăng trên trang thông tin điện tử theo quy định.

2. Doanh nghiệp ..... không được xếp loại Nhóm I/chuyển loại sang doanh nghiệp Nhóm II kể từ ngày ...../...../..... . Lý do <sup>(4)</sup>:

1.....

2.....

3. ....

<sup>(1)</sup> ..... trân trọng thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
 (ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Ghi chú:** Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp sẽ tự động thông báo trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký trực tuyến.

<sup>(1)</sup> Tên cơ quan tiếp nhận.

<sup>(2)</sup> Địa danh nơi trụ sở của cơ quan tiếp nhận.

<sup>(3)</sup> Tên doanh nghiệp, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm.

<sup>(4)</sup> Ghi rõ lý do không phân loại Nhóm I/chuyển loại sang doanh nghiệp Nhóm II, tiêu chí không bảo đảm theo quy định.

## C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

### 1. Tên thủ tục: **Phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã**

#### 1.1. Trình tự thực hiện:

##### a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trên địa bàn được giao nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi là cơ quan có thẩm quyền) để phê duyệt phương án khai thác chính, khai thác tận dụng, khai thác tận thu đối với các trường hợp sau:

- Khai thác tận dụng, khai thác tận thu gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên;
- Khai thác chính, khai thác tận dụng, khai thác tận thu rừng trồng do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu;
- Khai thác chính, khai thác tận dụng, khai thác tận thu rừng phòng hộ là rừng trồng do tổ chức tự đầu tư hoặc được Nhà nước hỗ trợ;
- Khai thác tận dụng, khai thác tận thu thực vật rừng ngoài gỗ từ rừng đặc dụng là rừng tự nhiên;
- Khai thác, thu thập mẫu vật theo nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ từ rừng đặc dụng.

Trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử thực hiện theo quy định pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

##### b) Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ

Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra hồ sơ và trả lời ngay tính hợp lệ của thành phần hồ sơ đối với hồ sơ nộp trực tiếp, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử; trường hợp hồ sơ chưa đủ thành phần theo quy định, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

##### c) Bước 3: Phê duyệt phương án khai thác và trả kết quả

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt phương án khai thác theo Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT và trả kết quả cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ. Trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án khai thác thông báo cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ về việc xác minh. Trường hợp không phê duyệt thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Đề nghị phê duyệt phương án khai thác theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT;

- Bản chính Phương án khai thác theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT;

- Bản sao một trong các tài liệu sau đối với trường hợp khai thác tận dụng gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ:

+ Đối với khai thác tận dụng trên diện tích giải phóng mặt bằng khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Đối với khai thác tận dụng trên diện tích rừng được sử dụng để xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng: quyết định phê duyệt và hồ sơ dự án xây dựng công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ, phát triển rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Đối với khai thác tận dụng trên diện tích tạm sử dụng rừng để thi công các công trình tạm phục vụ thi công dự án: quyết định phê duyệt và phương án tạm sử dụng rừng để thi công công trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Đối với khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện biện pháp lâm sinh: quyết định phê duyệt dự án lâm sinh hoặc tài liệu chứng minh việc thực hiện các biện pháp lâm sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Đối với khai thác tận dụng trên diện tích rừng trồng thanh lý: quyết định thanh lý kèm theo phương án thanh lý rừng trồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Đối với khai thác tận dụng trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao theo quy định pháp luật về điện lực: Biên bản kiểm tra hiện trường cây rừng chặt, tỉa, hạ độ cao trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện theo Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT;

+ Đối với khai thác phục vụ nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; rừng sản xuất do nhà nước đại diện chủ sở hữu; thu thập mẫu vật trong rừng đặc dụng: quyết định phê duyệt kèm theo tài liệu dự án, nhiệm vụ, chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học của cấp có thẩm quyền.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác.

- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trên địa bàn.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ theo Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đề nghị phê duyệt phương án khai thác theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT;

- Phương án khai thác theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT;

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 6 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

**Mẫu số 08: Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/thu thập mẫu vật loài thực vật rừng thông thường (áp dụng cho hộ**

**gia đình, cá nhân, cộng đồng)**

*(Ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC<sup>(\*)</sup>**

.....<sup>(1)</sup>

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên chủ rừng<sup>(2)</sup>:.....
2. CCCD/HC<sup>(3)</sup>:.....
3. Địa chỉ chủ rừng<sup>(4)</sup>:.....
4. Số điện thoại:.....
5. Thông tin về mã số vùng trồng, hoặc chứng chỉ quản lý rừng bền vững (nếu có)<sup>(5)</sup>:.....

**II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN**

1. Căn cứ xây dựng phương án<sup>(6)</sup>:.....
2. Đối tượng khai thác (loại rừng, rừng trồng, rừng tự nhiên)<sup>(7)</sup>:.....
3. Địa danh, diện tích khai thác<sup>(8)</sup>:.....
4. Phương thức khai thác<sup>(9)</sup>:.....
5. Sản lượng dự kiến khai thác<sup>(10)</sup>: gỗ..... m<sup>3</sup>; củi hoặc sản phẩm khác.... kg hoặc ster. Thực vật rừng ngoài gỗ:.....tấn; hoặc ..... cây (nếu xác định được).
6. Giải pháp phục hồi rừng sau khai thác<sup>(11)</sup>:.....
7. Thời gian dự kiến khai thác: từ ngày.....tháng.....năm.....đến ngày.....tháng.....năm....

....., ngày.... tháng..... năm.....

**CHỦ RỪNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

(\*) Mẫu này do chủ rừng, chủ lâm sản là cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư (viết tắt là chủ rừng) sử dụng khi lập Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/thu thập mẫu vật loài thực vật rừng thông thường.

## **I. THÔNG TIN CHỦ RỪNG**

- (1) Ghi trường hợp khai thác cụ thể theo quy định tại khoản 2 hoặc khoản 7 Điều 6 Thông tư này.
- (2) Ghi họ tên đầy đủ của chủ rừng.
- (3) Ghi Số căn cước công dân hoặc hộ chiếu của chủ rừng hoặc đại diện hộ gia đình, cộng đồng dân cư.
- (4) Ghi rõ địa chỉ của chủ rừng.
- (5) Ghi mã số vùng trồng, ngày cấp hoặc số giấy chứng nhận của chứng chỉ quản lý rừng bền vững, tên tổ chức cấp (nếu có).

## **II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN**

- (6) Ghi thông tin các văn bản quy phạm pháp luật chính và các tài liệu pháp lý liên quan.
- (7) Ghi đối tượng khai thác quy định tại khoản 2 hoặc khoản 7 Điều 6 Thông tư này: đối với khai thác rừng trồng ghi loài cây trồng, năm trồng.
- (8) Ghi các thông tin sau: (i) Địa danh khu vực khai thác (lô, khoảnh, tiểu khu, xã); (ii) Thông tin tọa độ điểm (kinh độ, vĩ độ) tại vị trí giữa lô khai thác đối với lô rừng nhỏ hơn 04 ha hoặc thông tin tọa độ tối thiểu tại 04 đỉnh đa giác (kinh độ và vĩ độ) đối với lô khai thác lớn hơn hoặc bằng 04 ha trên hệ tọa độ VN 2000 hoặc hệ tọa độ WGS84 định dạng \*.GeoJSON.  
 Thống kê diện tích khai thác theo từng lô khai thác, khoảnh, tiểu khu, xã.
- (9) Ghi phương thức khai thác: Khai thác chọn, khai thác trắng toàn bộ, khai thác trắng theo băng, khai thác trắng theo đám.
- (10) Sản lượng dự kiến khai thác:
  - Đối với khai thác tận thu gỗ thống kê số lóng, khúc gỗ tận thu, đo đếm ước tính khối lượng dự kiến khai thác ( $m^3$ ); đối với khai thác thực vật rừng ngoài gỗ thống kê ghi khối lượng khai thác (tấn, kg) hoặc số lượng cây đối với cây họ tre, nứa.
  - Đối với khai thác chính, khai thác tận dụng gỗ, việc xác định sản lượng dự kiến khai thác thông qua việc đo đếm trực tiếp cây khai thác hoặc thông qua lập ô tiêu chuẩn điển hình hoặc tùy điều kiện thực tế tại địa phương để ước tính sản lượng gỗ khai thác.
 Đơn vị tính sản lượng khai thác là: kg,  $m^3$ , ster hoặc số lượng mẫu vật.
- (11) Giải pháp phục hồi rừng sau khai thác: Nêu rõ các giải pháp thực hiện như: vệ sinh rừng, trồng lại rừng.

**Mẫu số 09: Đề nghị phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/động vật rừng thông thường từ tự nhiên/thu thập mẫu vật loài thông thường.**

(Ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

CƠ QUAN <sup>(1)</sup>.....

Số: .../...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN (\*)**

<sup>(2)</sup> .....

Kính gửi<sup>(3)</sup>: .....

**1. Thông tin chủ rừng:**

a) Tên chủ rừng <sup>(4)</sup>: .....

- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC<sup>(5)</sup>: .....

c) Địa chỉ chủ rừng<sup>(6)</sup>: .....

d) Số điện thoại:.....; địa chỉ email: .....

**2. Nội dung đề nghị phê duyệt: Phương án khai thác <sup>(2)</sup>**

.....

**3. Tài liệu gửi kèm:**

- Bản chính Phương án <sup>(2)</sup> .....

- Tài liệu khác (nếu có) .....

....., ngày ... tháng ... năm .....

**CHỦ RỪNG**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)

**Ghi chú:**

(\*) Mẫu này do chủ rừng, chủ lâm sản, chủ dự án hoặc tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền giao (viết tắt là chủ rừng) lập khi đề nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/động vật rừng thông thường từ tự nhiên/thu thập mẫu vật loài thực vật rừng thông thường.

<sup>(1)</sup> Tên chủ rừng, số văn bản nếu là tổ chức.

<sup>(2)</sup> Ghi trường một trong các trường hợp khai thác cụ thể theo quy định tại khoản 2 Điều 6 hoặc khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

<sup>(3)</sup> Ghi rõ tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án khai thác theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này.

<sup>(4)</sup> Ghi tên bằng tiếng Việt hoặc tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có) đối với tổ chức hoặc ghi đầy đủ họ tên đối với cá nhân.

<sup>(5)</sup> Ghi Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/mã số doanh nghiệp/giấy phép thành lập/đăng ký hoạt động đối với tổ chức; số căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu đối với cá nhân.

<sup>(6)</sup> Ghi rõ địa chỉ trên giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập/đăng ký hoạt động với tổ chức; địa chỉ thường trú trên chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân.

**Mẫu số 10: Biên bản kiểm tra hiện trường xác định cây rừng chặt tía, hạ độ cao trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao**

*(Ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN**

**Kiểm tra hiện trường xác định cây rừng chặt tía, hạ độ cao trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao**

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, được sửa đổi, bổ sung năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Căn cứ văn bản số ....ngày .... tháng .... năm .... của Tổ chức....(Tên tổ chức quản lý đường điện) đề nghị kiểm tra hiện trường xác định cây rừng phải chặt tía, hạ độ cao trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không điện áp cao (sau đây viết tắt là hành lang bảo vệ an toàn đường điện).

Hôm nay, ngày ... tháng .... năm .... tại: lô.....khoảnh...tiểu khu....khu rừng.... thuộc thôn...xã/phường..... tỉnh.....

Chúng tôi gồm:

**I. THÀNH PHẦN**

**1. Đại diện Tổ chức, cơ quan quản lý đường điện:**

- Ông (bà) .....; chức vụ: .....

- Ông (bà) .....; chức vụ: .....

**2. Đại diện chủ rừng, chủ lâm sản:**

- Ông (bà) .....

- Ông (bà) .....

**3. Đại diện cơ quan Kiểm lâm sở tại:**

- Ông (bà):..... , chức vụ:.....
- Ông (bà): ..... , chức vụ:.....

**4. Cơ quan/đơn vị khác có liên quan (nếu có):**

- Ông (bà) .....
- Ông (bà) .....

**II. NỘI DUNG**

Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định cây rừng phải chặt tía, hạ độ cao trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện, gồm các nội dung chính sau:

- Loại rừng: rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất
- Nguồn gốc: rừng tự nhiên, rừng trồng
- Loài cây (đối với rừng trồng):.....năm trồng:.....

- Số lượng cây rừng phải chặt tía, hạ độ cao trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện:.....cây (thống kê số cây theo lô, khoảnh, tiểu khu, xã); loài cây (đối với rừng trồng).

**III. KẾT LUẬN, ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ**

.....

.....

.....

.....

.....

Biên bản gồm.... trang; được lập thành ... bản, đã được các thành viên tham gia nhất trí, không có ý kiến khác và kết thúc công tác kiểm tra hiện trường vào hồi ..... giờ .... phút ngày ... tháng .... năm ..../.

**THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA HIỆN TRƯỜNG KÝ TÊN**

**CHỦ RỪNG/CHỦ  
LÂM SẢN**  
(ký, ghi rõ họ tên, đóng  
dấu nếu là tổ chức)

**TỔ CHỨC, CƠ QUAN  
QUẢN LÝ ĐƯỜNG  
ĐIỆN**  
(ký ghi rõ họ tên, đóng  
dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN  
KIỂM LÂM SỞ TẠI**  
(ký ghi rõ họ tên, đóng  
dấu)

**Mẫu số 11: Quyết định phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/thu thập mẫu vật loài thực vật rừng thông thường**

(Ban hành kèm theo Phụ lục II Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

**CƠ QUAN <sup>(1)</sup>.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-...

..., ngày... tháng... năm....

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt phương án khai thác <sup>(2)</sup>....**

**THẨM QUYỀN NGƯỜI KÝ**

*Căn cứ<sup>(3)</sup>.....;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ về thanh lý rừng trồng (nếu khai thác tận dụng rừng trồng trên diện tích rừng đã được thanh lý);*

*Căn cứ Quyết định số ..... (các quyết định phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững nếu có).....;*

*Căn cứ .....;*

*Xét đề nghị của .....;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án khai thác chính/tận dụng/tận thu/gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ/thu thập mẫu vật loài thông thường của..... (tên tổ chức/cá nhân).....với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Địa danh khai thác (lô, khoảnh, tiểu khu, xã...)<sup>(4)</sup>: .....
2. Mã số vùng trồng hoặc số giấy chứng nhận chứng chỉ quản lý rừng bền vững (nếu có)<sup>(5)</sup>:.....
3. Diện tích khai thác (thống kê diện tích theo địa danh khai thác) <sup>(6)</sup>:....ha
4. Đối tượng khai thác <sup>(7)</sup>: .....
5. Phương thức khai thác <sup>(8)</sup>:.....
6. Sản lượng dự kiến khai thác<sup>(9)</sup>: gỗ... m<sup>3</sup>; củi hoặc sản phẩm khác.... m<sup>3</sup>;

lâm sản khác:.....tần hoặc số lượng cây...

7. Dự kiến hệ thống đường vận xuất, vận chuyển <sup>(10)</sup> (áp dụng đối với tổ chức):.....

8. Các biện pháp bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng <sup>(11)</sup>:.....

9. Giải pháp phục hồi rừng sau khai thác <sup>(12)</sup>:.....

10. Thời gian dự kiến khai thác<sup>(13)</sup>: từ ngày.....tháng.....năm..... đến.....ngày.....tháng.....năm.....

11. Các nội dung khác (nếu có): .....

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Trách nhiệm của chủ rừng:

2. Trách nhiệm của cơ quan liên quan:

3. ....

## **Điều 3. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành**

.....

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- .....;
- Các sở/cơ quan...;
- Lưu: VT,...

### **CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

### **Ghi chú:**

<sup>(1)</sup> Ghi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này.

<sup>(2)</sup> Ghi trường hợp khai thác cụ thể theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

<sup>(3)</sup> Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án khai thác.

<sup>(4)</sup> Ghi thông tin khu vực khai thác (lô, khoảnh, tiểu khu, xã).

<sup>(5)</sup> Ghi mã số vùng trồng, ngày cấp hoặc số giấy chứng nhận của chứng chỉ rừng (nếu có).

<sup>(6)</sup> Ghi diện tích khai thác: thông kê diện tích khai thác theo loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất); rừng tự nhiên, rừng trồng.

<sup>(7)</sup> Ghi đối tượng khai thác tại quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này: đối với khai thác rừng trồng ghi loài cây trồng, năm trồng, cơ quan phê duyệt nguồn vốn.

<sup>(8)</sup> Ghi phương thức khai thác: khai thác chọn, khai thác trắng toàn bộ, khai thác trắng theo băng, khai thác trắng theo đám.

<sup>(9)</sup> Ghi sản lượng dự kiến khai thác: đơn vị tính sản lượng khai thác là: m<sup>3</sup>, ster, kg hoặc số lượng cây, mẫu vật.

<sup>(10)</sup> Dự kiến hệ thống đường vận xuất, vận chuyển: sử dụng hệ thống đường vận xuất đã có, hay mở mới hay kết hợp hệ thống đường lâm nghiệp khác đã có (đối với chủ rừng là tổ chức).

<sup>(11)</sup> Các biện pháp bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng: nêu rõ các biện pháp như: băm dập cành ngọn sau khai thác.

<sup>(12)</sup> Giải pháp phục hồi rừng sau khai thác: nêu rõ các giải pháp thực hiện như: trồng lại rừng, tái sinh rừng.

<sup>(13)</sup> Ghi thời gian bắt đầu và kết thúc khai thác dự kiến.

**Phụ lục II**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**  
**LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, LĨNH VỰC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số           /QĐ-BNNMT ngày   tháng   năm 2025*  
*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước mới ban hành lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

| STT      | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                     | Lĩnh vực                 | Đối tượng thực hiện                                             | Cơ quan giải quyết                                                           |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A</b> | <b>Thủ tục hành chính cấp Trung ương</b>                                                                                                                                   |                          |                                                                 |                                                                              |
| 1        | Tiếp nhận, xác lập lâm sản, động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước        | Lâm nghiệp và Kiểm lâm   | Cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Cục Lâm nghiệp Kiểm lâm                                                      |
| 2        | Tiếp nhận, xác lập loài thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước                      | Cục Thủy sản và Kiểm ngư | Cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Cục Thủy sản và Kiểm ngư                                                     |
| 3        | Phê duyệt phương án xử lý lâm sản, động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước | Lâm nghiệp và Kiểm lâm   | Cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bộ trưởng hoặc người được bộ trưởng phân cấp (khoản 3, Điều 47 Nghị định 77) |

|          |                                                                                                                                                                     |                          |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                      |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4        | Phê duyệt phương án xử lý loài thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước        | Cục Thủy sản và Kiểm ngư | Cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                                     | Bộ trưởng hoặc người được bộ trưởng phân cấp (khoản 3 Điều 47 Nghị định 77)                                                                          |
| 5        | Giao tài sản là gỗ, thực vật ngoài gỗ cho cơ quan quản lý chuyên ngành                                                                                              | Lâm nghiệp và Kiểm lâm   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan chủ trì quản lý tài sản</li> <li>- Cơ quan quản lý chuyên ngành</li> <li>- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm</li> </ul>                   | Bộ trưởng hoặc cơ quan, người được Bộ trưởng phân cấp (khoản 2 Điều 10 (tang vật), khoản 2 Điều 20 (vật chứng) NĐ 77)                                |
| 6        | Giao, điều chuyển cho cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng đối với gỗ, thực vật ngoài gỗ không thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I, Phụ lục I CITES          | Lâm nghiệp và Kiểm lâm   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan chủ trì quản lý tài sản</li> <li>- Cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng gỗ tịch thu</li> <li>- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm</li> </ul> | Bộ trưởng hoặc cơ quan, người được Bộ trưởng phân cấp (khoản 2 Điều 10 (tang vật), khoản 2 Điều 20 (vật chứng) NĐ 77)                                |
| 7        | Thả động vật về môi trường tự nhiên                                                                                                                                 | Lâm nghiệp và Kiểm lâm   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan chủ trì quản lý tài sản</li> <li>- Chủ rừng hoặc khu bảo tồn biển</li> </ul>                                                       | Bộ trưởng hoặc người được bộ trưởng phân cấp (khoản 2 Điều 10 (tang vật), khoản 2 Điều 20 (vật chứng), khoản 2 Điều 47 Nghị định 77) Điều 26         |
| 8        | Chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành                                                                                                                        | Lâm nghiệp và Kiểm lâm   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan chủ trì quản lý tài sản</li> <li>- Cơ quan quản lý chuyên ngành</li> </ul>                                                         | Bộ trưởng hoặc người được bộ trưởng phân cấp (khoản 2 Điều 10 (tang vật), khoản 2 Điều 20 (vật chứng), khoản 2 Điều 47 Nghị định 77) Cơ quan Điều 28 |
| <b>B</b> | <b>Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>                                                                                                                                  |                          |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                      |
| 1        | Tiếp nhận, xác lập lâm sản, động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước | Lâm nghiệp và Kiểm lâm   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan Kiểm lâm sở tại</li> <li>- Cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc tỉnh công bố</li> </ul>                                              | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người được phân cấp (khoản 3 Điều 44 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP)                                              |

|   |                                                                                                                                                                            |                          |                                                                                              |                                                                                                                                                            |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2 | Tiếp nhận, xác lập loài thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước                      | Cục Thủy sản và Kiểm ngư | - Cơ quan Thủy sản và Kiểm ngư cấp tỉnh<br>- Cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc tỉnh công bố | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người được phân cấp (khoản 3 Điều 44 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP)                                                    |
| 3 | Phê duyệt phương án xử lý lâm sản, động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước | Lâm nghiệp và Kiểm lâm   | - Cơ quan Kiểm lâm sở tại<br>- Cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc tỉnh công bố               | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người được phân cấp (khoản 4, Điều 47 Nghị định 77/2025/NĐ-CP)                                                      |
| 4 | Phê duyệt phương án xử lý loài thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước               | Cục Thủy sản và Kiểm ngư | - Cơ quan Thủy sản và Kiểm ngư cấp tỉnh<br>- Cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc tỉnh công bố | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người được phân cấp (khoản 4, Điều 47 Nghị định 77/2025/NĐ-CP)                                                      |
| 5 | Giao tài sản là gỗ, thực vật ngoài gỗ cho cơ quan quản lý chuyên ngành                                                                                                     | Lâm nghiệp và Kiểm lâm   | - Cơ quan chủ trì quản lý tài sản<br>- Cơ quan quản lý chuyên ngành                          | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người được phân cấp (khoản 3 Điều 10 (tang vật), khoản 3 Điều 20 (vật chứng) NĐ 77)                                 |
| 6 | Giao, điều chuyển cho cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng đối với gỗ, thực vật ngoài gỗ không thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I, Phụ lục I CITES                 | Lâm nghiệp và Kiểm lâm   | - Cơ quan chủ trì quản lý tài sản<br>- Cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng gỗ tịch thu        | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người được phân cấp (khoản 3 Điều 10 (tang vật), khoản 3 Điều 20 (vật chứng) NĐ 77))                                |
| 7 | Thả động vật về môi trường tự nhiên                                                                                                                                        | Lâm nghiệp và Kiểm lâm   | - Cơ quan chỉ trì quản lý tài sản<br>- Chủ rừng hoặc khu bảo tồn biển                        | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người được phân cấp (khoản 2 Điều 10 (tang vật), khoản 2 Điều 20 (vật chứng), khoản 2 Điều 47 Nghị định 77) Điều 26 |
| 8 | Chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành                                                                                                                               | Lâm nghiệp và Kiểm lâm   | - Cơ quan chỉ trì quản lý tài sản<br>- Chủ rừng hoặc khu bảo tồn biển                        | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người được phân cấp (khoản 2 Điều 10 (tang vật), khoản 2 Điều 20 (vật chứng), khoản 2 Điều 47 Nghị định 77) Điều 28 |

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM**

### **A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG**

**1. Tên thủ tục: Tiếp nhận, xác lập lâm sản, động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước**

#### **1.1. Trình tự thực hiện:**

a) Bước 1: Nộp, tiếp nhận hồ sơ

Chủ sở hữu thông báo tới cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường; kèm theo hồ sơ, giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với thực vật, động vật tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT

Cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận lập Biên bản bàn giao, tiếp nhận theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

b) Bước 2: xây dựng hồ sơ

Trường hợp xác định việc tiếp nhận tài sản chuyển giao là phù hợp với quy định của pháp luật thì trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày tiếp nhận tài sản và các hồ sơ, tài liệu liên quan, cơ quan quản lý chuyên ngành có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP trình Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm.

c) Bước 3: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Phòng chuyên môn thuộc Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm lập 01 bộ hồ sơ báo cáo Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản. Hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản chính; Hồ sơ quy định tại bước 2 này: bản sao.

d) Bước 4: Quyết định phê duyệt

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ trình của Phòng chuyên môn, Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm xem xét quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản

**1.2. Cách thức thực hiện: không quy định**

**1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:**

a) Hồ sơ của cơ quan quản lý chuyên ngành, gồm:

Biên bản bàn giao, tiếp nhận theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT: bản sao.

Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản chính.

Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị (nếu có thông tin về giá trị), hiện trạng của tài sản: bản sao.

Các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, giá trị của tài sản chuyển giao và hình thức chuyển giao (nếu có): bản sao.

b) Hồ sơ Phòng chuyên môn trình Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, gồm:

Văn bản về việc đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản chính; kèm theo Dự thảo Quyết định về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo Mẫu số 01 –QĐXL ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP

Hồ sơ cơ quan quản lý chuyên ngành tại điểm a mục 1.3 bản sao.

**1.4. Thời hạn giải quyết:** 26 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm Quyết định về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan quản lý chuyên ngành thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường
- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm

**1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm.
- Người có thẩm quyền quyết định: Cục trưởng Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

**1.8. Phí, lệ phí (nếu có):** Không

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** có

Biên bản bàn giao, tiếp nhận theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Điều 21 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

**Mẫu số 22: Biên bản bàn giao, tiếp nhận thực vật/động vật/thủy sản**

..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 ..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-BGTN

**BIÊN BẢN**  
**Bàn giao, tiếp nhận thực vật rừng/động vật rừng/thủy sản**

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số /2025/TT-BNNMT ngày .../.../2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ <sup>(1)</sup> .....

Hôm nay, hồi..... giờ ..... phút, ngày...../...../20....., tại: .....

**1. Chúng tôi gồm:**

**a) Đại diện bên giao:**

1. Họ và tên: .....Chức vụ: .....

Địa chỉ cá nhân: .....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: .....

Cơ quan, đơn vị: .....

Địa chỉ cơ quan, đơn vị: .....

2. Họ và tên: .....Chức vụ: .....

Cơ quan, đơn vị: .....

**b) Đại diện bên nhận:**

1. Họ và tên: .....Chức vụ: .....

Cơ quan, đơn vị: .....

Địa chỉ cơ quan, đơn vị: .....

2. Họ và tên: .....Chức vụ: .....